

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HDC, HAG

[Vĩ mô/Chiến lược]

Cập nhật số liệu GDP 4Q Mỹ ngày 26/01

[Quan điểm đầu tư]

ĐTĐ được khuyến nghị tránh mua đuổi tại các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mua trading một phần tỷ trọng khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ gần 1150 (+-5)

26/01/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,175.67	+0.45
VN30	1,182.82	+0.45
HĐTL VN30F1M	1,187.00	+0.55
HNXIndex	229.43	+0.40
HNX30	485.80	+0.28
UPCoM	87.70	+0.02
USD/VND	24,608	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.28	+3
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+4
Dầu (WTI, \$)	76.73	-0.81
Vàng (LME, \$)	2,019.24	-0.08



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,175.67 (+0.45%)
KLGD (triệu CP) 498.2 (+15.6%)
GTGD (triệu US\$) 524.2 (+13.5%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 241.34 tỷ đồng, tập trung tại HPG (+0.35%), HSG (+1.95%), VGC (+0.79%).

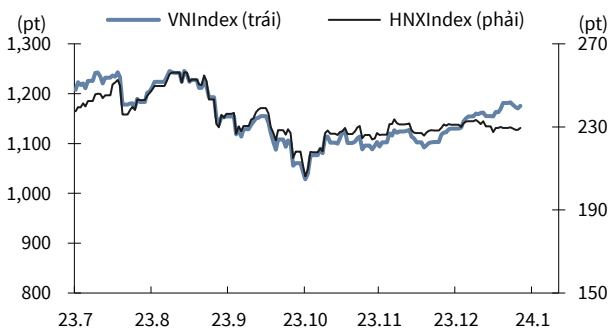
HNXIndex 229.43 (+0.40%)
KLGD (triệu CP) 59.5 (+31.8%)
GTGD (triệu US\$) 37.0 (+27.7%)

Tại phiên họp của Ban chỉ đạo điều hành giá vào đầu tuần, Bộ Công Thương kiến nghị xem xét điều chỉnh tăng giá điện năm 2024 để đảm bảo phản ánh biến động các thông số đầu vào của giá điện. Cổ phiếu nhóm Điện tăng giá ở NT2 (+0.59%), GEG (+0.39%).

UPCoM 87.70 (+0.02%)
KLGD (triệu CP) 39.0 (+14.0%)
GTGD (triệu US\$) 19.8 (+48.3%)

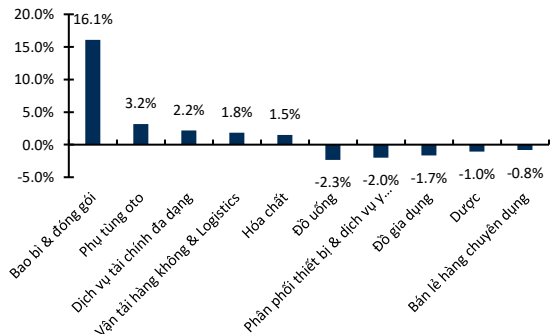
Theo dự báo của Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA), thị trường hàng không toàn cầu sẽ phục hồi hoàn toàn vào cuối năm 2024. Trong đó, thị trường hàng không châu Á - Thái Bình Dương, có thể gặp thách thức và đạt lợi nhuận khoảng 1.1 tỷ USD trong năm 2024. Cổ phiếu nhóm Hàng không tăng giá ở HVN (+1.21%), VJC (+0.76%).

VNIndex & HNXIndex



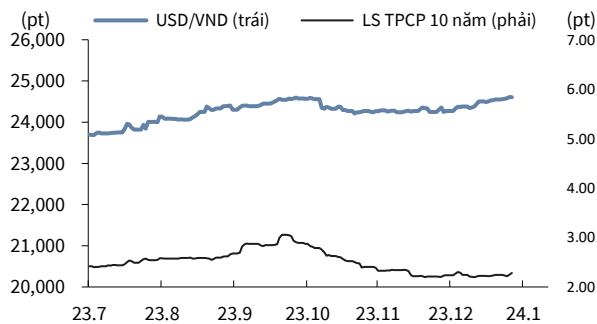
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

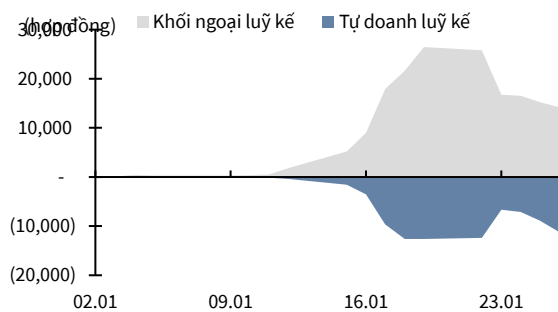
VN30	1,182.82 (+0.45%)
VN30F1M	1,187.0 (+0.55%)
Mở cửa	1,182.9
Cao nhất	1,189.0
Thấp nhất	1,181.0

KLGD (HĐ) **156,102 (-14.9%)**

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2402 và VN30 mở cửa tại 4.58 điểm, sau đó biến động trong biên độ dương quanh mức 3.75 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 4.18 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

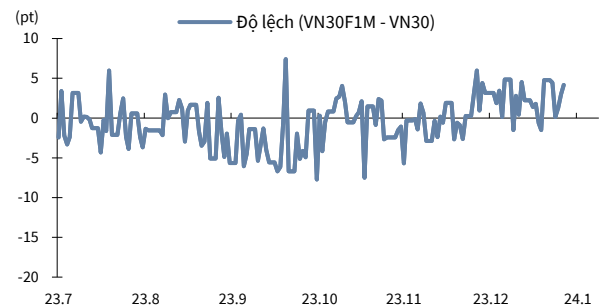
Khối ngoại bán ròng 1,027 HĐTL VN30F2402 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 14,189 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 2,365 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 11,225 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



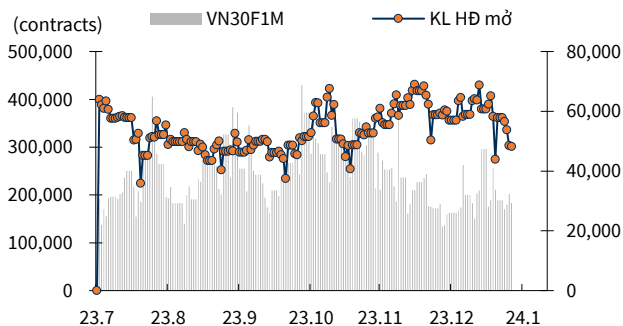
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



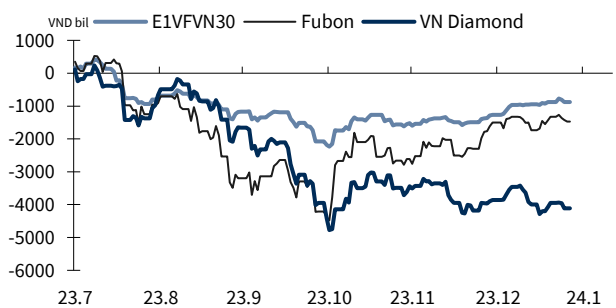
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

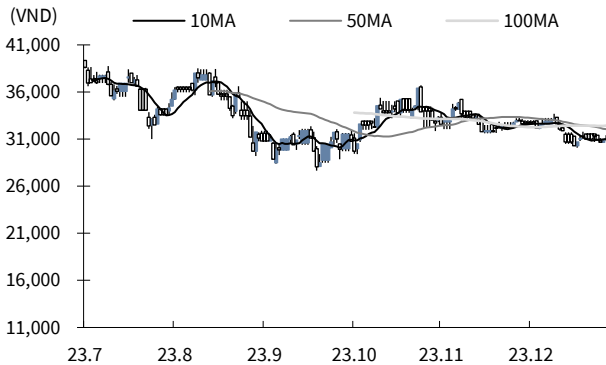
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC)

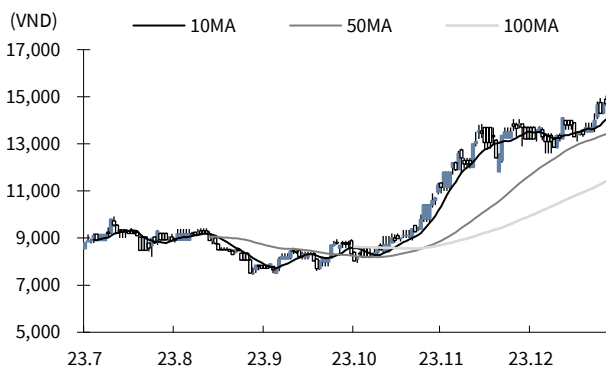


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDC tăng 0.65% lên 31,000 VND/cp

- CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu vừa thông qua kế hoạch năm 2024 với giá trị đầu tư dự kiến đạt 2,856 tỷ đồng, gấp 7.5 lần năm trước. Doanh thu sẽ rơi vào 1,658 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 424 tỷ đồng, lần lượt gấp 2.5 lần và 2.9 lần so với năm trước. Nếu hoàn thành, công ty quay lại mức lợi nhuận cao nhất từng đạt được vào năm 2022 (lãi sau thuế 421 tỷ đồng).

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAG giảm 0.34% xuống 14,700 VND/cp

- CTCP Hoàng Anh Gia Lai vừa công bố nghị quyết HĐQT thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 130 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá 10,000 đồng/cp. Theo phương án mới, HAGL sẽ dùng gần 347 tỷ để mua lại trước hạn toàn bộ khoản nợ gốc và lãi trái phiếu phát hành năm 2022. Hơn 253 tỷ dùng để cơ cấu lại nợ cho CTCP Gia súc Lơ Pang thông qua hình thức cho vay để thanh toán các khoản nợ vay của đơn vị này tại TPBank. 700 tỷ đồng còn lại vẫn được giữ nguyên, dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động và cơ cấu lại nợ cho công ty con và thanh toán các khoản nợ.

Cập nhật số liệu GDP 4Q Mỹ ngày 26/01

GDP của Mỹ tăng trưởng vượt kỳ vọng

- Bộ Thương mại Mỹ hôm 25/1 đã công bố số liệu GDP nước này tăng 3.3% trong Quý 4/2023 (đã hiệu chỉnh theo cơ sở năm). Tổng cộng cả năm 2023, nền kinh tế Mỹ tăng trưởng 2.5%, cao hơn so với 2022 (1.9%). Mức tăng trưởng này vượt ngoài kỳ vọng. Trước đó, ước tính của Bloomberg Economics là 1.8% và mức kỳ vọng của thị trường khoảng 2%.
- Chi tiêu tiêu dùng cá nhân chiếm phần lớn trong mức tăng trưởng, đạt 2.8% trong Quý 4/2023. Chi tiêu cho hàng hoá giảm xuống 3.8% (so với 4.9% trước đó) trong khi chi tiêu cho dịch vụ tăng lên 2.4% (so với 2.2% trước đó). Động lực chi tiêu lớn nhất dành cho chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ giải trí, phương tiện đi lại và dịch vụ ăn uống.
- Mặc dù có nhiều tin tốt, trong báo cáo vẫn xuất hiện một vài dấu hiệu đáng lưu ý. Đầu tư tư nhân thấp, phản ánh phần nào ảnh hưởng của lãi suất cao hơn. Những hạng mục gia tăng chi tiêu của người tiêu dùng (giải trí, phương tiện đi lại, ...) có tính không bền khi nền kinh tế chậm lại.

GDP vượt kỳ vọng có thể tác động đến kỳ vọng về cắt giảm lãi suất của FED trong năm nay

- Tăng trưởng GDP cho thấy nền kinh tế Mỹ vẫn đang “khỏe” hơn so với dự kiến, kết hợp với rủi ro lạm phát trước các căng thẳng địa chính trị ở khu vực Trung Đông, Biển Đỏ đang khiến thị trường đẩy lùi kỳ vọng thời điểm FED hạ lãi suất trong năm 2024. Cụ thể, theo CME Group, thị trường hiện kỳ vọng chỉ có 48% khả năng FED sẽ có lần hạ lãi suất đầu tiên vào tháng 3/2024 (so với mức 70% cách đây 1 tháng).

Tỷ giá trong nước gặp áp lực, tác động lên TTCK hiện chưa đáng ngại nhưng rủi ro có thể xuất hiện nếu xu hướng tăng duy trì

- Trước diễn biến của nền kinh tế Mỹ, rủi ro địa chính trị trên thế giới, thay đổi kỳ vọng của thị trường vào thời điểm FED hạ lãi suất, chỉ số đồng USD (DXY) đã tăng 2% từ đầu năm lên 103.5. Tương ứng, tỷ giá liên ngân hàng USD/VND cũng đã tăng 1.4%. Mức tăng này hiện chưa tiềm ẩn rủi ro Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sẽ can thiệp do: i) thông thường tỷ giá tăng tối thiểu 2% NHNN mới can thiệp ổn định tỷ giá; ii) tỷ giá liên ngân hàng hiện còn cách xa tỷ giá bán của NHNN quanh 25,187 USD/VND; iii) trong bối cảnh lạm phát ổn định ở mức thấp, các chính sách tiền tệ hiện tại vẫn ưu tiên hạ lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế.
- Trong kịch bản tỷ giá tăng quá 3% từ đầu năm (tương ứng DXY lên quanh 108), rủi ro NHNN can thiệp để ổn định tỷ giá, qua đó tác động tiêu cực lên TTCK là hiện hữu. Chúng tôi không đánh giá cao kịch bản này do dư địa tăng tiếp của DXY là khá hạn chế trước kỳ vọng FED sẽ hạ lãi suất ở 1 thời điểm nào đấy trong năm 2024.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần chững lại và duy trì thành quả tăng điểm đến cuối phiên.
- Thị trường đã có phiên tăng điểm trở lại với biên độ được giữ nguyên cho đến hết phiên. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở ngưỡng thấp và một vài nhóm cổ phiếu midcap có nhịp tăng giá với độ rộng tương đối lớn, cho thấy lượng cung bán ra không nhiều và chỉ cần lực cầu nhỏ để có thể đẩy giá lên. Mặc dù vậy, VNIndex nhiều khả năng sẽ còn tiếp tục chịu áp lực rung lắc sau đó khi tiếp cận lại vùng cản cũ tại quanh 1185 (+10).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi tại các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mua trading một phần tỷ trọng khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ gần 1150 (+5).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1198 - 1203

Kháng cự gần: 1190 - 1192

Hỗ trợ gần: 1175 - 1177

Hỗ trợ xa: 1168 - 1170

- Sau nhịp tăng điểm đầu phiên, F1 dần chững lại và duy trì thành quả tăng điểm đến cuối phiên.
- Thị trường đã có phiên tăng điểm trở lại với biên độ được giữ nguyên cho đến hết phiên. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở ngưỡng thấp cho thấy lượng cung bán ra không nhiều và chỉ cần lực cầu nhỏ để có thể đẩy giá lên. Mặc dù vậy, F1 nhiều khả năng sẽ còn tiếp tục chịu áp lực rung lắc sau đó khi tiếp cận lại vùng cản cũ tại quanh 1195 (+10).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Đóng các vị thế Short đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

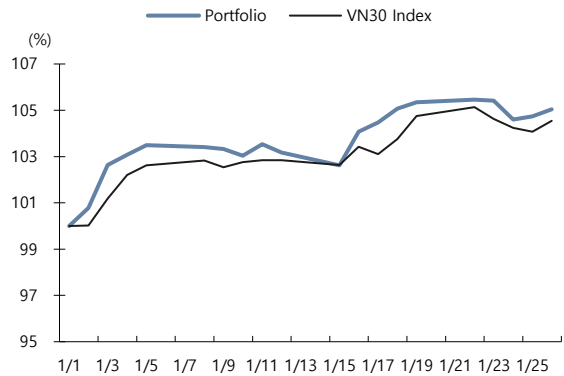
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.45%	0.29%
Tăng lũy kế (YTD)	4.54%	5.04%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/01/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	34,100	0.4%	25.6%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	89,500	0.0%	24.3%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
FPT (FPT)	01/02/2024	95,900	0.8%	0.0%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,500	0.0%	22.6%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	26,300	1.9%	21.8%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Military Bank (MBB)	01/02/2024	22,000	0.5%	16.7%	- Tăng trưởng tín dụng tích cực là động lực thúc đẩy lợi nhuận - NIM duy trì mức cao nhờ lợi thế dẫn đầu CASA - Định giá hấp dẫn so với triển vọng dài hạn, P/B hiện tại chỉ 1.0x
Nhon Trach 2 (NT2)	01/02/2024	25,450	0.6%	3.5%	- NT2 tiếp tục hưởng lợi từ El Nino - Nhà máy đã hoàn thành đại tu và sẵn sàng huy động trở lại - Nguy cơ thiếu khí vận hành dự kiến được giảm thiểu trong 2024
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	38,250	-0.5%	5.5%	- Giá cước có thể tăng do vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HCKD
Coteccons (CTD)	01/02/2024	67,700	-0.1%	0.0%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30% - Ước tính chi phí dự phòng FY2024 ở mức 104 tỷ VND giúp cải thiện LNST
Mobile World (MWG)	01/02/2024	44,900	-0.7%	5.8%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.4%	24.8%	91.7
HSG	2.0%	22.0%	82.1
VCG	0.8%	12.6%	76.9
EIB	-1.0%	2.4%	70.5
NLG	2.9%	43.7%	68.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.2%	22.4%	-108.3
SAB	-2.6%	61.7%	-84.7
MSN	-1.5%	28.1%	-57.2
VNM	0.2%	53.5%	-38.6
VIC	0.0%	12.3%	-27.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.8%	1.9%	4.3
PVS	0.3%	19.7%	0.9
LAS	7.0%	1.0%	0.9
DHT	1.6%	34.3%	0.6
TNG	0.0%	19.9%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	0.0%	1.6%	-1.4
EID	-1.0%	0.0%	-0.7
HLD	0.0%	5.2%	-0.7
PMS	0.0%	0.0%	-0.5
EVS	0.0%	0.5%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	21.6%	TDP, SVI, MCP, TPC
Cung cấp và dịch vụ thương mại	2.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Kim loại & khai thác	2.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Chứng khoán	1.5%	SSI, VND, HCM, VCI
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	1.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-6.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Đồ gia dụng	-3.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Vận tải hàng không & Logistics	-3.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Dịch vụ tài chính đa dạng	-2.8%	EVF, OGC
Thiết bị điện	-2.2%	GEX, SAM, CAV, RAL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	23.2%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	12.7%	VCB, BID, VPB, TCB
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	7.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	7.1%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	5.3%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-7.5%	TTF, GDT, EVE, SAV
Đồ uống	-7.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Sản phẩm xây dựng	-3.2%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tiện ích điện	-1.8%	PGV, NT2, PPC, TTA
Tiện ích khí	-1.7%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	91,015 (3.7)	22.5	40.4	92.4	14.7	2.8	0.6	1.4	1.4	0.0	-1.2	-1.7	-4.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	258,814 (10.6)	26.6	4.9	5.1	35.9	21.9	17.7	1.0	0.9	-0.2	-2.4	0.2	-2.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	113,719 (4.7)	17.8	12.6	12.7	-7.6	12.1	10.9	1.4	1.3	-0.2	-0.4	1.9	1.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	258,838 (10.6)	31.3	-	-	6.7	5.5	-0.7	0.9	0.9	0.0	1.2	-1.8	-2.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	53,693 (2.2)	11.6	25.0	25.2	13.7	8.3	8.2	1.8	1.7	-0.2	-0.8	1.5	-0.8
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	233,860 (9.6)	13.9	53.0	48.3	-	2.5	2.7	1.3	1.3	0.8	0.0	-0.8	-2.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	124,722 (5.1)	6.3	17.0	13.8	11.7	20.9	19.4	3.1	2.5	1.1	-0.6	11.1	14.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	84,996 (3.5)	12.7	15.1	11.8	-5.3	18.4	19.0	2.4	2.0	1.1	-1.8	13.8	12.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	188,136 (7.7)	0.0	5.7	4.7	14.3	15.4	15.9	0.8	0.7	1.1	1.3	14.9	11.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	254,008 (10.4)	1.4	9.7	8.0	50.3	16.1	16.9	1.4	1.2	0.2	-1.5	19.8	18.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	248,937 (10.2)	0.0	12.1	9.3	18.8	9.9	11.3	1.1	1.0	0.5	0.3	6.8	2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	430,838 (17.6)	0.0	5.7	5.0	14.6	24.5	23.1	1.2	1.0	0.5	-0.2	19.2	18.0
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	144,976 (5.9)	4.2	7.0	5.2	23.3	21.5	23.1	1.4	1.1	1.2	1.7	10.9	4.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	564,567 (23.1)	14.0	9.5	5.8	26.5	16.5	21.0	1.3	1.0	-0.7	0.0	10.2	8.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	182,837 (7.5)	0.0	5.1	4.0	37.4	17.1	18.1	1.0	0.9	0.8	-1.6	7.6	5.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	248,817 (10.2)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	-1.0	-1.8	6.8	6.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	16,174 (0.7)	21.0	17.7	17.3	15.8	8.2	8.0	1.4	1.3	0.4	-1.0	3.4	3.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	4,302 (0.2)	14.2	9.6	9.1	9.1	12.7	12.5	1.0	0.9	0.9	-1.1	2.1	1.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	695,253 (28.4)	55.4	24.3	21.8	-3.2	9.6	10.0	2.2	2.2	0.4	1.2	4.1	4.0
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	202,034 (8.3)	71.9	26.2	19.4	-4.0	13.4	14.2	2.8	2.7	-0.2	0.7	1.2	-0.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	219,735 (9.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	2.1	10.0	18.0	13.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	420,677 (17.2)	27.2	18.9	14.2	36.3	10.7	11.8	1.7	1.6	0.2	1.2	0.5	-1.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	149,956 (6.1)	42.1	18.3	15.6	4.0	27.9	29.9	4.6	4.3	0.1	-1.5	-1.5	-0.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	44,159 (1.8)	36.9	17.3	16.8	7.3	18.2	19.9	3.1	3.2	-2.6	-6.7	-8.6	-9.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	149,589 (6.1)	16.5	77.9	35.2	-51.9	3.5	7.8	3.5	3.2	-1.5	-2.9	-0.6	-1.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	51,232 (2.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.4	5.3	24.5	6.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,946 (3.6)	11.0	66.2	25.0	-88.5	5.4	13.7	3.7	3.2	0.8	0.7	-2.1	-2.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	66,158 (2.7)	10.8	9.5	19.1	-57.0	29.9	12.9	2.5	2.3	0.1	1.2	-2.0	-0.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	202,442 (8.3)	38.4	36.2	23.1	65.7	2.4	3.8	-	-	0.3	-0.3	7.4	5.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	326,043 (13.4)	37.7	30.6	25.8	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.4	0.7	-0.5	-7.7	-8.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	97,069 (4.0)	3.6	28.6	29.3	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	-0.1	-1.9	-2.6	-1.6
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	28,969 (1.2)	0.0	9.5	8.7	-4.5	13.2	13.0	1.3	1.1	-0.2	0.4	0.7	-1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	57,921 (2.4)	46.1	14.9	15.1	-17.5	18.7	17.2	2.5	2.3	-0.3	-2.0	-1.6	-0.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,177 (1.1)	31.4	37.2	15.3	-10.5	7.1	12.8	1.7	1.7	0.6	-1.4	6.5	3.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,333 (0.1)	34.1	7.4	5.4	-5.1	13.2	14.5	1.1	-	0.0	-0.7	-6.8	-7.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	660,196 (27.0)	18.0	26.4	13.6	21.9	7.4	12.1	1.6	1.5	0.4	2.0	2.0	1.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	60,911 (2.5)	36.5	20.3	14.5	-0.5	6.4	7.8	1.0	1.1	1.1	-1.1	-1.2	-1.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	76,864 (3.1)	46.5	16.3	9.6	-4.5	10.2	16.7	1.6	1.4	0.7	-1.4	-4.8	-4.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	286,445 (11.7)	38.9	18.1	10.0	67.9	7.5	13.6	1.3	1.1	1.9	4.7	6.6	3.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	26,345 (1.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	6.5	8.5	6.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	23,489 (1.0)	4.6	15.5	13.0	-51.0	12.9	12.6	1.7	1.6	0.0	-1.0	0.1	0.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	105,736 (4.3)	39.9	32.3	13.3	-11.9	4.2	7.6	1.0	1.0	0.4	1.1	-1.6	-2.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	96,665 (4.0)	35.9	9.4	7.9	2.2	14.5	14.9	1.3	1.1	-0.2	-0.2	-1.1	0.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	346,470 (14.2)	0.0	67.9	24.2	14.4	1.3	9.4	2.7	2.6	-0.7	-2.5	5.2	4.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	94,050 (3.8)	0.0	16.8	14.6	2.4	20.1	20.7	3.1	2.6	0.0	1.5	4.6	4.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,123 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-1.4	-4.5	-12.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	56,725 (2.3)	30.3	-	33.7	-75.2	-6.0	22.8	7.8	7.4	-1.2	5.1	1.5	-1.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	12,131 (0.5)	34.6	16.6	11.1	41.2	13.1	18.9	2.1	1.8	1.1	-0.5	0.0	-2.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,354 (0.1)	45.4	13.8	13.9	10.7	20.2	19.2	2.7	2.5	-1.3	0.9	5.8	2.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	147,737 (6.0)	0.0	16.4	13.7	15.5	27.6	28.9	4.2	3.6	0.8	-0.4	-1.3	-0.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

